VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/LS

Original Article

"Practicality" - An Inherent Characteristic Constituting the Value of Punishment

Trinh Tien Viet*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam

Received 24 March 2026
Revised 25 April 2026; Accepted 20 June 2026

Abstract: In criminal law scholarship, punishment is commonly examined through several fundamental characteristics, such as the most severe form of state coercion, strict legal nature, individualization, and humanity. However, an essential characteristic that has not been sufficiently studied is the practicality of punishment. Punishment must not only be correct in terms of theory and normative regulation, but also be capable of effective application and enforcement in socio-legal practice. Therefore, based on theoretical analysis and a review of Vietnam's Criminal Code 2015 of, as amended and supplemented in 2017 and 2025, this article clarifies that practicality is an inherent characteristic constituting the value of punishment, and on that basis proposes orientations and solutions to further refine legislative provisions on penalties, aiming to ensure that the imposition and execution of punishment in practice achieve high effectiveness.

Keywords: Practicality; concept of punishment; purposes of punishment; effectiveness.

* Corresponding author.
E-mail address: ttviet@vnu.edu.vn
https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4854

"Tính thực tiễn" - đặc điểm nội tại, cấu thành giá trị của hình phạt

Trịnh Tiến Việt*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 24 tháng 3 năm 2026
Chỉnh sửa ngày 25 tháng 4 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 6 năm 2026

Tóm tắt: Trong khoa học luật hình sự, hình phạt thường được nhìn nhận qua các đặc điểm cơ bản như: tính cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, tính pháp lý chặt chẽ, tính cá thể hóa và tính nhân đạo... Tuy nhiên, một đặc điểm có ý nghĩa nền tảng nhưng chưa được nghiên cứu đầy đủ là "tính thực tiễn" của hình phạt. Hình phạt không chỉ cần đúng về phương diện nhận thức khoa học, về quy phạm pháp luật mà còn phải có khả năng áp dụng, thi hành hiệu quả trong thực tiễn đời sống xã hội - pháp lý. Do đó, trên cơ sở phân tích lý luận và soi chiếu Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), bài viết làm rõ tính thực tiễn là đặc điểm nội tại, cấu thành giá trị của hình phạt, từ đó, kiến nghị các định hướng, giải pháp tiếp tục hoàn thiện quy định về hình phạt về phương diện lập pháp nhằm bảo đảm việc quyết định và thi hành hình phạt trong thực tiễn đạt hiệu quả cao.

Từ khóa: Tính thực tiễn; khái niệm hình phạt; mục đích của hình phạt; hiệu quả.

1. Dẫn nhập

Hiện nay, trong khoa học luật hình sự, bên cạnh những nghiên cứu chuyên sâu về các học thuyết của hình phạt, khái niệm, vai trò, mục đích, ý nghĩa của hình phạt... đã được luận giải kỹ lưỡng. Riêng về hình phạt thường được nhìn nhận thống nhất qua các đặc điểm cơ bản như: tính cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, tính pháp lý chặt chẽ, tính cá thể hóa hình phạt, phạm vi, đối tượng và thẩm quyền áp dụng, cũng như tính nhân đạo, hướng thiện, khía cạnh tôn trọng, bảo vệ quyền con người... [1-9]. Tuy nhiên, một đặc điểm (tạm giả định) có ý nghĩa nền tảng nhưng chưa được nghiên cứu và thừa nhận là "tính thực tiễn" của hình phạt. Bởi lẽ, hình phạt không chỉ cần đúng về phương diện nhận thức khoa học, về khía cạnh quy phạm pháp luật (về lập pháp), mà còn phải có khả năng áp dụng đúng, thi hành hiệu quả trong thực tiễn đời sống xã hội. Từ cơ sở lý luận và thực tiễn, tác giả cho rằng tính thực tiễn cần được thừa nhận là một đặc điểm cơ bản của hình phạt, do đây là thuộc tính phản ánh bản chất nội tại và giá trị của hình phạt. Đồng thời, việc thừa nhận "tính thực tiễn" của hình phạt còn là một tiêu chí quan trọng để đánh giá chính xác về chính sách hình sự [10-14], xem xét mức độ phù hợp giữa quy định của pháp luật hình sự với yêu cầu phòng ngừa tội phạm và điều kiện kinh tế - xã hội, cũng như gắn với yêu cầu ngày càng đề cao các quyền con người, quyền công dân trong bối cảnh mới.

2. Khái niệm hình phạt, vị trí của "tính thực tiễn" trong hệ thống đặc điểm cơ bản của hình phạt

2.1. Khái niệm hình phạt

Hình phạt với tư cách là một hình thức (hoặc

* Tác giả liên hệ.
Địa chỉ email: ttviet@vnu.edu.vn
https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4854

là hình thức thực hiện) của trách nhiệm hình sự, hay một dạng trách nhiệm hình sự [1]. Đây là một trong các biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất được Nhà nước đặt ra và ghi nhận như là hệ quả tất yếu để ứng phó với hiện tượng "tội phạm", thể hiện sự "phản ứng của Nhà nước và xã hội đối với tội phạm" [15]. Hình phạt đồng thời phản ánh "tính không thoát khỏi trách nhiệm của người đã thực hiện tội phạm" [3]. Hình phạt được Nhà nước sử dụng với tư cách là công cụ cần thiết trong việc đấu tranh, xử lý tội phạm và các chủ thể phạm tội. Bởi lẽ, nếu "thiếu hình phạt thì các quy định chỉ còn là *hướng dẫn* chứ không phải là quy định về tội phạm" [4].

Trong khoa học luật hình sự, các nhà khoa học - luật gia đã cơ bản thống nhất về khái niệm hình phạt [1, 2, 9, 15-17]. Còn dưới góc độ *lập pháp*, chỉ đến Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1999, lần đầu tiên định nghĩa lập pháp về khái niệm hình phạt (Điều 26). Sau đó, đến Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 (sau đây gọi là BLHS năm 2015), khái niệm hình phạt tiếp tục được hoàn thiện hơn khi các nhà làm luật đã bổ sung chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại (Điều 30).

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, do Tòa án quyết định áp dụng trong bản án có hiệu lực pháp luật đối với người hoặc pháp nhân thương mại bị kết án có nội dung tước bỏ hay hạn chế quyền, lợi ích của các chủ thể tương ứng đó, qua đó nhằm giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm.

2.2. Vị trí, cơ sở lý luận và thực tiễn của "tính thực tiễn" của hình phạt

Trước hết, khái niệm hình phạt phản ánh hệ thống đặc điểm cơ bản đã được thừa nhận chung bao gồm [1-3, 5, 8]:

Một là, hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất trong hệ thống biện pháp cưỡng chế của Nhà nước, là một dạng của trách nhiệm hình sự [1], hoặc hình thức (thực hiện) của trách nhiệm hình sự, biện pháp xử lý về hình sự;

Hai là, hình phạt được quy định trong BLHS và chỉ do Tòa án quyết định;

Ba là, hình phạt được áp dụng đối với chủ thể bao gồm người, pháp nhân thương mại phạm tội;

Bốn là, khi áp dụng hình phạt sẽ gây ra những tổn thất cho người bị kết án về phương diện quyền, lợi ích, tự do, thậm chí là tính mạng của người đó hoặc tổn thất về các lợi ích của pháp nhân thương mại bị kết án. Ngoài ra, tính cưỡng chế nghiêm khắc nhất của hình phạt (chính) được thể hiện qua nội dung và các phương thức thực hiện hình phạt với trình tự, thủ tục áp dụng do luật định; và hình phạt làm cho người bị kết án có án tích trên các cơ sở chung;

Năm là, hình phạt trong luật hình sự phản ánh nội dung giai cấp của pháp luật, gắn với nhiệm vụ bảo vệ lợi ích chung của Nhà nước và của xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Hiện nay, trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hình phạt đồng thời chịu sự chi phối của các nguyên tắc pháp quyền, yêu cầu bảo đảm công lý, tính nhân đạo và tôn trọng, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Do đó, nội dung của hình phạt thể hiện sự kết hợp giữa bản chất giai cấp và các giá trị pháp lý tiến bộ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của chính sách hình sự;

Sáu là, hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật, các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, góp phần phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Tuy nhiên, bên cạnh hệ thống đặc điểm cơ bản của hình phạt đã nêu, "tính thực tiễn" của hình phạt chưa được đề cập và được thừa nhận trong sách báo pháp lý hình sự. Bởi lẽ, trong khoa học luật hình sự, hình phạt thường được phân tích chủ yếu dưới góc độ quy phạm - pháp lý (chế định pháp luật), hoặc được xem là đặc điểm thuộc *hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự* và gắn với quá trình thi hành án (hiệu quả hình phạt). Hệ thống đặc điểm được thừa nhận chung (đã nêu) của hình phạt (cả về nội dung và hình thức) cũng đã phản ánh đầy đủ nên chưa đặt ra và thừa nhận yêu cầu về tính khả thi và hiệu quả thực tế của hình phạt. Trong khi đó, đặc điểm này đòi hỏi phải được thừa nhận xuất phát từ chỗ: nếu tính

pháp lý, tính cưỡng chế xác lập "*giới hạn* tồn tại" của hình phạt, thì "tính thực tiễn" của hình phạt lại quyết định "*giá trị* tồn tại" của chính hình phạt trong thực tiễn đời sống xã hội - pháp lý.

Ở đây, những cơ sở lý luận và thực tiễn để luận giải "tính thực tiễn" chính là giá trị, đặc điểm nội tại của hình phạt, được thể hiện qua các luận điểm chính sau đây:

Thứ nhất, hình phạt không chỉ là một biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất (có nghĩa không có chế tài pháp lý nào nghiêm khắc hơn hình phạt) [18], mà còn là *phương tiện* thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước, qua đó duy trì, bảo đảm trật tự xã hội, thực hiện chức năng bảo vệ và phòng ngừa, chống tội phạm. Bởi lẽ, khi xuất hiện một sự kiện phạm tội xảy ra, điều này có nghĩa, hệ thống biện pháp phòng ngừa tội phạm đã thất bại đối với người thực hiện tội phạm đó. Chính vì vậy, ở đây, buộc tiếp tục phải sử dụng hình phạt - chế tài nghiêm khắc nhất của Nhà nước với tư cách một biện pháp để bảo đảm và thực thi công lý, duy trì ổn định, trật tự xã hội.Điều này được thừa nhận là một *chức năng xã hội* của hình phạt [19].

Thứ hai, chính sách hình sự nói chung, hiệu lực, vai trò và mục đích của luật hình sự trong thực hiện chức năng của mình muốn có hiệu quả phải có "tiêu chí kiểm nghiệm". Vì thế, nếu hình phạt chỉ đúng về phương diện lý luận, về khía cạnh quy phạm pháp luật (về lập pháp) nhưng không thể áp dụng hoặc khó thi hành trong thực tiễn thì sẽ làm giảm vai trò điều chỉnh của chính sách hình sự, cũng như hiệu lực và vai trò của luật hình sự vì hình phạt được thiết lập là thiết kế để "ngăn chặn tội phạm trong tương lai" [20];

Thứ ba, hiệu quả, vai trò và mục đích của luật hình sự không chỉ phụ thuộc vào quy định của điều luật quy định về tội phạm, mà còn phụ thuộc vào khả năng áp dụng và thi hành hình phạt trong thực tế. Nếu hình phạt được quy định nhưng khó (không) áp dụng hoặc không thể thi hành được thì sẽ làm giảm hiệu quả phòng ngừa tội phạm và chỉ là quy định "trên giấy";

Thứ tư, hệ thống hình phạt hay mỗi hình phạt khi quy định phải được thiết kế đầy đủ loại, mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, thích hợp với sự đa dạng của tội phạm, của người phạm tội (và cả pháp nhân thương mại phạm tội) trong đó có tính đến cả những điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ tổ chức của bộ máy tư pháp và khả năng thi hành được trong thực tiễn. Từ đó, tạo ra "không gian" lựa chọn trong khuôn khổ pháp luật cho Tòa án khi quyết định hình phạt, bảo đảm việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng loại tội phạm, từng chủ thể phạm tội và tạo điều kiện cho thực tiễn thi hành. Ở đây, yêu cầu cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội (hiện nay, còn cả pháp nhân thương mại phạm tội) trong hoạt động xét xử chính là đòi hỏi quan trọng. Khi quyết định hình phạt, Thẩm phán (Hội đồng xét xử) phải đánh giá đầy đủ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, cũng như các tình tiết khách quan của vụ án và vì vậy, hình phạt phải có tính thực tiễn (ví dụ như hình phạt tiền quá cao mà người phạm tội không có dẫn đến không có khả năng thi hành được hoặc ngược lại, hình phạt tiền quá nhẹ không đủ sức răn đe, phòng ngừa và không phân định được "tính cưỡng chế" của chế tài hành chính với chế tài hình sự);

Thứ năm, hình phạt được Tòa án tuyên không chỉ nhằm trừng trị, mà còn hướng đến giáo dục, cải tạo người, pháp nhân thương mại phạm tội và phòng ngừa tái phạm, góp phần "kiểm soát xã hội đối với tội phạm" [21] nhìn từ phương diện xã hội, chức năng của hình phạt [22]. Đây chính là quá trình "chuyển hóa" quy định của luật hình sự thành quyết định cụ thể có tác động trực tiếp đến các quyền con người, quyền công dân, lợi ích của cơ quan, tổ chức hay cá nhân, cũng như tác động đến đời sống xã hội;

Cuối cùng, tính thực tiễn liên quan đến khả năng tổ chức thi hành án đúng pháp luật, bảo đảm và tạo điều kiện cho người chấp hành án cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng xã hội. Hiệu quả thực tế của hình phạt cần được đánh giá thông qua hệ thống tiêu chí như: a) Khả năng phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng, tỷ lệ tái phạm, tái phạm nguy hiểm; b) Mức độ giáo dục, cải tạo người phạm tội và tái hòa nhập với cộng đồng xã hội; c) Tính khả thi trong áp dụng và thi hành án phạt; d) Chi phí - hiệu quả trong thực thi mà Nhà

nước và xã hội bỏ ra; đ) Mức độ bảo đảm công lý, công bằng và sự chấp nhận của cộng đồng xã hội; e) Mức độ tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân... [23-24]. Các yếu tố này phản ánh trực tiếp mức độ phù hợp và hiệu quả của hệ thống hình phạt trong thực tiễn đời sống xã hội - pháp lý.

Như vậy, "tính thực tiễn" xuyên suốt toàn bộ "vòng đời" của hình phạt, từ nhận thức khoa học, đến thiết kế (ghi nhận) vào trong BLHS, khi áp dụng (quyết định) và cho đến thực thi, bảo đảm rằng hình phạt không chỉ phản ánh đúng bản chất pháp lý hình sự, quy định thể hiện rõ trong lập pháp hình sự (ở đây là BLHS), mà còn phát huy giá trị thực chất sức sống trong đời sống xã hội [25]. Điều này cho thấy điểm "gốc" của "tính thực tiễn" của hình phạt chính là hoạt động lập pháp hình sự.

3. Biểu hiện của đặc điểm "tính thực tiễn" của hình phạt trong hệ thống hình phạt

"Tính thực tiễn" của hình phạt không chỉ được xác lập ở bình diện lý luận mà còn được thể hiện cụ thể trong cấu trúc, nội dung của hệ thống hình phạt trong lập pháp hình sự (BLHS). Những điều chỉnh quan trọng của BLHS qua mỗi lần pháp điển hóa và sửa đổi, bổ sung đã cho thấy xu hướng ngày càng coi trọng tính khả thi và hiệu quả xã hội của hình phạt, thay vì chỉ nhấn mạnh yếu tố trừng trị thuần túy. Trải qua thực tiễn lập pháp hình sự thời gian qua và trong BLHS năm 2015 hiện hành, biểu hiện này được thể hiện như sau:

3.1. Đa dạng hóa hình phạt và ngày càng mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt không tước tự do

Một trong những biểu hiện rõ nét của tính thực tiễn là việc đa dạng hóa hệ thống hình phạt, đặc biệt là xu hướng mở rộng (cả về phạm vi) các hình phạt không tước tự do qua mỗi lần pháp điển hóa luật hình sự với việc ban hành các BLHS năm 1985, 1999, 2015[1]. Điều này phản ánh sự thay đổi nhận thức trong chính sách hình sự theo hướng nhân đạo, hướng thiện và tôn trọng, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Việc mở rộng các hình phạt không tước tự do xuất phát từ thực tiễn cho thấy hình phạt tù, mặc dù nghiêm khắc, nhưng không phải lúc nào cũng mang lại hiệu quả cải tạo cao, đồng thời tạo ra áp lực lớn cho hệ thống trại giam và ngân sách nhà nước. Ngoài ra, hình phạt tù trong nhiều trường hợp có thể làm gián đoạn quá trình lao động, học tập và quan hệ xã hội của người bị kết án, từ đó dễ làm gia tăng nguy cơ tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Do đó, hình phạt không "chốt" cố định về

[1] Ví dụ: Trong BLHS năm 1985 trước đây, "*cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội*" là hình phạt chính (Điều 70) vì cùng tính chất như hình phạt cải tạo không giam giữ, được áp dụng đối với người phạm tội là quân nhân tại ngũ. Cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội là hình phạt chính được áp dụng từ 06 tháng đến 02 năm đối với quân nhân tại ngũ phạm tội ít nghiêm trọng. Nếu người bị kết án đã bị tạm giam thì thời gian tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội, cứ 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội. Đối với người phạm tội không phải là quân nhân tại ngũ, trong trường hợp điều luật quy định hình phạt cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội, thì áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định ở Điều 24… Tuy nhiên, đến BLHS năm 1999, hình phạt này bị loại bỏ do cách thức thi hành hình phạt này không phù hợp với tính chất của hình phạt và không cần tách riêng áp dụng với các đối tượng khác nhau và thay thế vào đó là hình phạt cải tạo không giam giữ. Hoặc ngược lại, khi BLHS năm 2015 quy định vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại (Điều 2, Chương XI - Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội), trong đó quy định các hình phạt chính được Tòa án áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội bao gồm: Phạt tiền; đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Bên cạnh đó, các hình phạt bổ sung được Tòa án áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội kèm theo với hình phạt chính có thể bao gồm một hoặc một số hình phạt như: Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính. Hay cũng trong BLHS năm 2015 tiếp tục thể chế hóa chủ trương hạn chế áp dụng hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt không tước tự do đối với người phạm tội. Cụ thể: áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính không chỉ đối với tội ít nghiêm trọng như trước đây, mà còn được áp dụng ngay cả đối với tội nghiêm trọng, thậm chí là với một số tội rất nghiêm trọng; sửa đổi hình phạt cải tạo không giam giữ theo hướng tăng cường tính cưỡng chế, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục của loại hình phạt này; khẳng định nguyên tắc không áp dụng hình phạt tù đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý.

cùng một loại, cùng một kiểu hình thức (tước tự do) hay cùng một tính chất hoặc cách thể hiện giống nhau trong lập pháp hình sự (BLHS), mà đòi hỏi luôn đa dạng tương xứng với "tính chất", "mức độ" các loại hành vi phạm tội. Đồng thời vẫn phải bảo đảm "thang bậc" tương ứng về mức độ cưỡng chế nghiêm khắc của mỗi loại hình phạt trong hệ thống hình phạt. Và do đó, hình phạt luôn luôn là sự biểu hiện hình thức (thực hiện) của trách nhiệm hình sự, phản ánh nội dung của trách nhiệm hình sự, tạo điều kiện cho Tòa án phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và các dấu hiệu khác, và đây cũng chính là biểu hiện cụ thể của "tính thực tiễn" của hình phạt.

3.2. Quy định trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với pháp nhân thương mại

Việc lần đầu tiên ghi nhận trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong BLHS năm 2015 là một bước tiến quan trọng, phản ánh yêu cầu thực tiễn của quá trình phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế [26][2].

Thực tiễn cho thấy nhiều hành vi vi phạm nghiêm trọng trong lĩnh vực kinh tế, môi trường, tài chính - ngân hàng được thực hiện thông qua pháp nhân, với lợi ích trực tiếp thuộc về tổ chức chứ không chỉ cá nhân cụ thể. Nếu chỉ xử lý cá nhân mà không xử lý pháp nhân thì không bảo đảm tính công bằng và không đủ sức răn đe. Việc bổ sung các hình phạt như phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm huy động vốn… đối với pháp nhân thương mại cho thấy hệ thống hình phạt đã được điều chỉnh để đáp ứng bối cảnh mới góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe của con người, của công dân [27]. Đây đồng thời là biểu hiện rõ ràng của "tính thực tiễn" - luật hình sự không đứng ngoài sự vận động của đời sống kinh tế xã hội mà phải phản ứng (ứng phó) kịp thời quy định trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại.

BLHS năm 2015 đã quy định phạm vi 31 tội danh pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự, sau đó được bổ sung thêm 02 tội danh (Tội tài trợ khủng bố và Tội rửa tiền) trong lần sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xu hướng sẽ còn mở rộng để đáp ứng yêu cầu phòng ngừa và chống tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện trong bối cảnh mới.

3.3. Thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình

Một biểu hiện khác của "tính thực tiễn" là xu hướng thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình. BLHS năm 2015 tiếp tục giảm số lượng tội danh có hình phạt tử hình và mở rộng các trường hợp không thi hành án tử hình, thể hiện sự cân bằng giữa yêu cầu phòng ngừa tội phạm và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam là thành viên của nhiều điều ước quốc tế về quyền con người, trong đó có những cam kết liên quan đến việc hạn chế áp dụng tử hình. Việc thu hẹp tử hình không chỉ xuất phát từ quan điểm nhân đạo mà còn là sự điều chỉnh phù hợp với xu hướng pháp lý quốc tế và điều kiện phát triển của xã hội. Chủ trương này hoàn toàn phù hợp với nội dung và tinh thần Công ước về quyền chính trị và dân sự năm 1966 của Liên Hợp quốc mà Việt Nam là thành viên, cũng như phù hợp với xu hướng chung của thế giới. Bởi lẽ, "khi thực hiện tốt các chủ trương này sẽ đạt được những mục đích như đề cao và bảo vệ được giá trị của tính mạng con người, tính chất không thể lấy lại được nếu sai sót, chi phí tốn kém..." [28]. Điều này cho thấy tính thực tiễn không chỉ giới hạn ở khả năng thi hành mà còn bao hàm sự thích ứng của hệ thống hình phạt với môi trường pháp lý và chính trị quốc tế và các đòi hỏi của quá trình toàn cầu hóa. Đặc biệt, trong lần sửa đổi, bổ sung BLHS vào năm 2025, các nhà làm luật tiếp tục đã bỏ hình phạt ở 08 tội danh, phản ánh xu hướng nhân đạo và

[2] Theo Chính phủ, hiện có 119/173 quốc gia thành viên UNCC có quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Trong Hiệp hội các quốc gia ASEAN, hiện có 06 nước chính thức và 01 nước đang trong quá trình xem xét đưa chế định này vào luật hình sự.

hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội...[3].

4. Một số vướng mắc và các định hướng, giải pháp tiếp tục hoàn thiện quy định về hình phạt trong Bộ luật Hình sự năm 2015 tiếp cận từ "tính thực tiễn" của hình phạt

Như đã đề cập, điểm "gốc" của "tính thực tiễn" của hình phạt chính là hoạt động lập pháp hình sự. Do đó, nếu lập pháp chưa bảo đảm tính rõ ràng, khả thi và dựa trên cơ sở thực chứng, thì quyết định (áp dụng) hình phạt khó đạt được sự chuẩn xác, còn việc thi hành hình phạt khó đạt được hiệu quả cải tạo và phòng ngừa. Chính vì vậy, nhằm nâng cao chất lượng áp dụng và thi hành, phải bắt đầu từ việc hoàn thiện chính sách và kỹ thuật lập pháp hình sự một cách khoa học và nhất quán, hệ thống và đồng bộ.

Nghiên cứu quy định của BLHS năm 2015 cho thấy còn một số vướng mắc làm giảm hiệu quả "tính thực tiễn" của hình phạt và đòi hỏi phải có những định hướng, giải pháp tiếp tục hoàn thiện quy định về hình phạt trong BLHS năm 2015 đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới[4].

4.1. Mục đích của hình phạt

"Mục đích" của hình phạt khi áp dụng đối với các chủ thể phạm tội phải bảo đảm được yêu cầu cho cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo đảm cho luật hình sự thực hiện được nhiệm vụ của mình [luật hình sự] theo Điều 1 BLHS năm 2015[5]. Tuy nhiên, bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã khiến quyền con người - giá trị tiến bộ được nhân loại thừa nhận chung - ngày càng được đề cao hơn bao giờ hết. Những thách thức của toàn cầu hóa liên quan chặt chẽ, tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến quyền con người. Xu thế phát triển này khiến các quy định luật hình sự hiện đại phải được xây dựng dựa trên định hướng *tiếp cận quyền* - lấy quyền con người làm tiêu chuẩn, căn cứ và mục đích lập pháp [29].

Hiện nay, các quy định của BLHS năm 2015 đang thể hiện nỗ lực tối đa trong việc trừng trị những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm hại quyền con người, đồng thời hạn chế tối thiểu việc làm tổn thương quyền con người trong khi tội phạm hóa và trừng phạt hành vi nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù vậy, nhận thức cần thiết về mục đích của hình phạt phải là để "phục hồi công lý"[30-31][6]; khôi phục tối đa có thể các quyền, giá trị đã bị tội phạm xâm hại; giáo dục, phòng ngừa nguy cơ tội phạm tiếp tục xảy ra vì có như vậy, mới bảo đảm "tính thực tiễn" của hình phạt.

Do đó, Điều 31 BLHS năm 2015 nên sửa đổi, bổ sung như sau[7]:

"Điều 31. Mục đích của hình phạt

Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục, *cải tạo* họ ý thức tuân *thủ* pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, *bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đồng thời góp phần khôi phục công lý, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội*".

---

[3] Bao gồm các tội danh tại Điều 109, Điều 114, Điều 194, Điều 250, Điều 421, Điều 110, Điều 353 và Điều 354 trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS (Luật số 86/2025/QH15) ngày 25/6/2025.

[4] Hàng loạt các nghị quyết quan trọng như: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân của Bộ Chính trị.

[5] Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật.

[6] Ví dụ: BLHS Liên bang Nga quy định mục đích hình phạt là nhằm mục đích "lập lại công bằng xã hội, cải tạo người phạm tội và ngăn ngừa họ phạm tội mới" (khoản 2 Điều 43).

[7] Chữ in đứng là quan điểm của các nhà làm luật thể hiện trong BLHS hiện hành, còn chữ in nghiêng là kiến nghị khoa học của chúng tôi và là quan điểm riêng (TG).

4.2. Hệ thống hình phạt đối với người phạm tội

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Công an đã phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kết thi hành BLHS năm 2015 nhằm đánh giá thực trạng tổ chức thi hành BLHS năm 2015. Trên cơ sở kết quả tổng kết thực tiễn thi hành BLHS tại các Bộ, ngành ở Trung ương và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Công an xây dựng Báo cáo kết quả tổng kết thực tiễn thi hành BLHS năm 2015[8] cho thấy, hình phạt áp dụng nhiều nhất là phạt tù từ 3 năm trở xuống (chiếm 59%), tiếp đến là khung từ trên 3 năm đến 7 năm (chiếm 16,2%). Hình phạt được áp dụng ít nhất gồm hình phạt trục xuất, cảnh cáo.

Hệ thống hình phạt đối với người phạm tội đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung để bảo đảm "tính thực tiễn" của hình phạt như sau:

Thứ nhất, về bản chất pháp lý của hình phạt

Hiện nay, Điều 32 BLHS năm 2015 liệt kê 07 hình phạt chính đối với người phạm tội và không có "án treo". Tại khoản 3 Điều này nêu: "Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung". Tuy nhiên, bản chất pháp lý của án treo là biện pháp *miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện*[9]. Khoản 3 Điều 65 BLHS năm 2015 lại quy định: "Tòa án có thể quyết định áp dụng đối với người được hưởng án treo *hình phạt bổ sung* nếu trong điều luật áp dụng...". Điều này tạo ra sự mâu thuẫn và chính vì vậy, nên bỏ đi khoản 3 Điều 65 cho bảo đảm tính thống nhất và phù hợp đúng với *bản chất pháp lý của hình phạt chính*. Vì nếu không phải là hình phạt chính, lôgíc đương nhiên là Tòa án không được áp dụng hình phạt bổ sung [32].

Thứ hai, về hình phạt tiền

1) Bản chất pháp lý của hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước (không có chế tài pháp lý nào nặng hơn). Do đó, tên gọi của hình phạt tiền cần được bổ sung để phân định giữa luật hình sự và luật hành chính (chế tài hình sự và chế tài hành chính). Chúng tôi cho rằng cần thiết bổ sung từ "hình phạt" cho chính xác và tên gọi Điều 35 là "Hình phạt tiền" (và nhiều điều luật khác về hình phạt này cũng phải điều chỉnh tương tự);

2) Xét thứ tự từ nhẹ đến nặng của các loại hình phạt (chính) trong hệ thống hình phạt của BLHS năm 2015, hình phạt tiền chỉ nặng hơn hình phạt cảnh cáo nhưng lại nhẹ hơn hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tù có thời hạn. Như vậy, hình phạt tiền là biện pháp giữ vai trò nối tiếp giữa hình phạt ít nghiêm khắc nhất trong hệ thống hình phạt với cải tạo không giam giữ - biện pháp xử lý nhẹ hơn hình phạt tù có thời hạn. Điều này tạo sự liên tục theo hướng tăng dần mức độ nghiêm khắc của các hình phạt trong cấu trúc chỉnh thể của hệ thống hình phạt. Tuy nhiên, tác giả tán thành với quan điểm đúng đắn của GS.TSKH. Lê Cảm - có một vấn đề là, đối với hai hình phạt sau (cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn) thì BLHS năm 2015 có quy định: "việc trừ thời gian tạm giam vào thời gian chấp hành hai hình phạt này mặc dù chúng nặng hơn hình phạt tiền (đoạn 2 khoản 1 Điều 36 và đoạn 2 khoản 1 Điều 38), nhưng đối với hình phạt tiền thì các nhà làm luật nước ta lại không quy định việc trừ thời gian như vậy, nhất là trong thực tiễn xét xử còn cho thấy: có người phạm tội đã bị tạm giam và rồi cuối cùng hình phạt chính duy nhất được áp dụng đối với họ chỉ là hình phạt tiền thì sao?" [33]. Do đó, "trong BLHS Việt Nam hiện hành các nhà làm luật nước ta cần phải quy định việc khấu trừ thời gian tạm giam (theo tỷ lệ bao nhiêu % là hợp lý tùy các nhà làm luật quyết định đối với cả hình phạt tiền nữa (nhất là khi nó được áp dụng là hình phạt chính)" [33], vì như vậy mới bảo đảm nguyên tắc công bằng trong luật hình sự nước ta và tính thực tiễn của các hình phạt phải phù hợp với mục đích áp dụng.

3) Khoản 3 Điều 35 BLHS năm 2015 quy định mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào

[8] Báo cáo số 1258/BC-BCA ngày 14/5/2025 về Tổng kết thi hành BLHS của Bộ Công an.

[9] Ví dụ: Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 hướng dẫn sửa đổi Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP (đã nêu).

tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời xét đến tình hình tài sản của người phạm tội và sự biến động của giá cả, nhưng không được thấp hơn 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, mức khởi điểm này đối với hình phạt tiền (hình sự) còn quá nhẹ. Hiện nay, mức khởi điểm của các tội phạm có hình phạt tiền cơ bản đều từ 5.000.000 đồng; do đó, đề nghị phải nâng lên để bảo đảm tính khả thi và "tính thực tiễn" của hình phạt này.

4) Ngoài ra, các nhà làm luật nước ta chưa quy định hình thức xử lý đối với trường hợp người bị kết án cố tình chây ỳ, dây dưa không chịu nộp phạt hoặc không có khả năng nộp tiền phạt, nên quy định này không có tính khả thi và khả năng thực hiện. Vì vậy, để khắc phục hạn chế trên có thể tham khảo luật hình sự một số nước trên thế giới (ví dụ: Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Vương quốc Anh... [34]) đã áp dụng bằng *hai* cách thức để nâng cao hiệu quả, đồng thời buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt một cách nghiêm chỉnh bao gồm:

+ Chuyển sang thành *lao động công ích* để quy đổi trừ tiền dần hoặc;

+ *Thay thế* hình phạt tiền bằng các hình phạt khác nghiêm khắc hơn nếu người bị kết án không trả được tiền phạt hoặc cố tình dây dưa, kéo dài không nộp phạt (ví dụ phạt tù giam). Tuy nhiên, cách thay thế theo phương án thứ hai này có lẽ chưa phù hợp với Việt Nam. Vì vậy, có thể sửa đổi, bổ sung về hình phạt tiền trong BLHS năm 2015 theo phương án *thứ nhất*, có nghĩa là *chuyển sang thành lao động công ích để quy đổi trừ tiền dần trên cơ sở ngày công lao động và việc làm của người bị kết án* để giải quyết tồn tại trước mắt trong thực tiễn xét xử (tương tự như khoản 4 Điều 36 về cải tạo không giam giữ đã được quy định bổ sung: "*Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ*").

Do đó, Điều 35 BLHS năm 2015 nên sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 35. *Hình* phạt tiền

1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các trường hợp sau đây:

a) Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định;

b) Người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định.

2. Hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với người phạm tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do Bộ luật này quy định.

3. Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động của giá cả, nhưng không được thấp hơn *5.000.000 đồng*[10].

4. *Trường hợp người phạm tội có trách nhiệm bồi thường dân sự, đồng thời bị xử phạt tiền, nếu toàn bộ tài sản của họ không đủ để trả hoặc bị áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu tài sản theo quy định tại Điều 45 Bộ luật này, thì Tòa án cân nhắc ưu tiên buộc bồi thường dân sự cho người bị hại trước.*

5. *Trường hợp người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam, sau đó Tòa án tuyên hình phạt chính là phạt tiền, thì thời gian tạm giữ, tạm giam của người đó được trừ vào tổng số mức tiền bị phạt theo tỷ lệ cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng một ngày thu nhập thực tế để trừ dần vào tổng số mức tiền bị phạt* [35].

6. Hình phạt tiền đối với pháp nhân thương mại phạm tội được quy định tại Điều 77 của Bộ luật này"[11].

[10] Sáng 20/3/2026, Bộ Công an tổ chức Hội nghị tổng kết thi hành BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2017 và 2025, trong Phần Phụ lục nêu về những khó khăn, vướng mắc cũng nêu và đề xuất kiến nghị tăng mức khởi điểm đối với hình phạt tiền từ 1.000.000 đồng lên mức 5.000.000 đồng (TG).

[11] Ở đây, đề nghị các nhà làm luật nghiên cứu bỏ đi khoản 2 Điều 35 BLHS năm 2015 vì đây là hình phạt tiền đối với người phạm tội, và Điều 35 này đang đề cập đến các hình phạt đối với đối tượng này; còn hình phạt tiền đối với pháp nhân thương mại phạm tội đã được đề cập ở Điều 77 và nội

...

Thứ ba, về hình phạt trục xuất

1) Hình phạt trục xuất được quy định trong luật hình sự vừa phải bảo đảm tính linh hoạt, mềm dẻo nhưng cũng vừa phải bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật đối với người nước ngoài nếu họ xâm phạm đến lợi ích, chủ quyền quốc gia Việt Nam. Tuy nhiên, Điều 37 BLHS năm 2015 lại không quy định điều kiện áp dụng hình phạt trục xuất, đồng thời cũng không quy định hình phạt này trong khung hình phạt tại bất kỳ các điều luật của Phần các tội phạm BLHS. Điều đó có nghĩa, khi người nước ngoài phạm bất cứ một tội danh nào được quy định trong BLHS đều có thể bị áp dụng loại hình phạt này (người phạm tội ở đây là người nước ngoài). Tùy vào từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở sự cân nhắc nhiều yếu tố khác nhau, Tòa án sẽ vận dụng điều luật để đưa ra quyết định việc áp dụng hình phạt trục xuất đối với người phạm tội. Song việc Điều 37 Bộ luật này quy định "*Trục xuất được Tòa án áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể*" rõ ràng là chưa phù hợp. Bởi lẽ, để bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, người phạm tội không phải chịu một hình phạt nào ngoài các hình phạt đã được quy định trong BLHS, đồng thời Tòa án cũng không được tuyên bất kỳ một hình phạt nào không có trong BLHS (nhất là hình phạt đó chưa được quy định trong điều luật tương ứng ấy). Do đó, chúng tôi cho rằng cần sửa đổi Điều 37 Bộ luật này cho phù hợp hơn.

2) Thực tiễn đặt ra đối với trường hợp Tòa án áp dụng một hình phạt chính nào đó và trục xuất được áp dụng là hình phạt bổ sung thì thế nào và ở đây có thể phân tách ra thành *ba* trường hợp đặt ra:

+ Nếu áp dụng hình phạt chính đối với người phạm tội là cảnh cáo thì việc áp dụng hình phạt bổ sung là trục xuất không có vấn đề gì;

+ Nếu áp dụng hình phạt chính đối với người phạm tội là cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân, thì việc áp dụng hình phạt bổ sung là trục xuất sẽ không có ý nghĩa nữa, bởi vì các hình phạt chính nêu trên đã nhằm giáo dục, cải tạo người bị kết án trở thành người có ích cho xã hội, nếu trục xuất họ ra khỏi Việt Nam thì mục đích của hình phạt chính có lẽ sẽ không đạt được nữa;

+ Nếu áp dụng hình phạt chính đối với người phạm tội là phạt tiền thì việc áp dụng hình phạt bổ sung là trục xuất nảy sinh vấn đề là: việc áp dụng hình phạt bổ sung chỉ có thể được thực hiện khi người bị kết án nộp đủ số tiền phạt. Nhưng "việc buộc người bị kết án nộp đủ tiền phạt sau đó mới trục xuất, trong nhiều trường hợp sẽ ảnh hưởng đến tính thời sự của việc trục xuất, vì khi Tòa án xét thấy cần áp dụng hình phạt trục xuất là phải tính đến khả năng không thể để người bị kết án ở lại Việt Nam lâu hơn nữa" [36].

3) Việc người bị áp dụng hình phạt trục xuất có bị mang án tích hay không là vấn đề cũng cần phải có sự hướng dẫn thống nhất. Bởi lẽ, một đặc trưng quan trọng để phân biệt hình phạt và các dạng trách nhiệm pháp lý khác ở chỗ, hình phạt để lại cho người phạm tội một án tích. Tuy nhiên, xem xét cho thấy trục xuất là hình phạt không để lại án tích cho người bị áp dụng nó. Bởi lẽ, tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật này quy định về đương nhiên được xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án hay xóa án tích trong trường hợp đặc biệt đều không có bất cứ một trường hợp nào người chấp hành hình phạt trục xuất được xóa án tích. Mặt khác, đối tượng bị áp dụng ở đây là người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam, khi họ bị áp dụng hình phạt trục xuất về nước thì vấn đề án tích có lẽ không đặt ra. Do vậy, hình phạt này mang tính chất là *một hình phạt chính không mang án tích* [37].

4) Sau khi trục xuất người phạm tội về nước, liệu họ có được quay trở lại Việt Nam không, và nếu có thì thời gian là bao lâu? Do đó, để bảo đảm quan hệ ngoại giao và sự mềm dẻo trong chính sách hình sự, chúng ta có thể quy định cho phép quay lại *nhưng trong thời gian ít nhất là 05 năm sau*. Trường hợp một công dân của một nước họ đã thôi (từ bỏ) quốc tịch và hiện không

---

dung liên quan tại Chương XI - Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

có quốc tịch, giả sử nếu bị áp dụng hình phạt này thì trục xuất họ về đâu, trong khi nếu để họ ở Việt Nam thì ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Vì vậy, có thể nghiên cứu để quy định áp dụng hình phạt trục xuất về quốc gia mà họ là công dân mang quốc tịch hoặc là công dân của quốc gia đầu tiên nhập quốc tịch cho họ.

Do đó, Điều 37 BLHS năm 2015 nên sửa đổi, bổ sung như sau [38]:

"Điều 37. *Hình phạt* trục xuất

1. Trục xuất *là biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước* buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trục xuất được Tòa án áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể.

3. Trục xuất là một hình phạt không để lại án tích cho người nước ngoài bị kết án. Khi Tòa án áp dụng là hình phạt chính thì người nước ngoài chỉ được quay trở lại Việt Nam ít nhất 05 năm kể từ khi trục xuất về nước mà họ là công dân mang quốc tịch hoặc là công dân của quốc gia đầu tiên nhập quốc tịch cho họ.

Chi phí về phương tiện xuất cảnh do quốc gi mà người nước ngoài là công dân hoặc quốc gia đầu tiên nhập quốc tịch cho họ chi trả".

Thứ tư, về hình phạt tù có thời hạn

Hiện nay, cách nêu nội dung các hình phạt không thống nhất và riêng về hình phạt này trong BLHS năm 2015 lại hướng nhầm sang đặc điểm của chấp hành hình phạt tù có thời hạn [39], mà không phản ánh nội hàm khái niệm của hình phạt tù có thời hạnày: "Tù có thời hạn là *buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định*". Theo đó, điều luật về hình phạt này cần nêu rõ đây là hình phạt chính do Tòa án áp dụng đối với người bị kết án và họ bị tước bỏ quyền tự do thân thể trong một khoảng thời gian nhất định và phải chấp hành chế độ giam giữ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, mục đích của hình phạt là nhằm trừng trị, giáo dục, cải tạo người phạm tội và phòng ngừa tội phạm.

Ngoài ra, khoản 2 Điều này quy định "*Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng*" là một quy định mang tính nhân đạo, hướng thiện nhưng mang nặng tính mệnh lệnh và việc áp dụng hình phạt phải do Tòa án quyết định, căn cứ vào nhiều yếu tố. Ngoài ra, cũng nên mở rộng về điều kiện loại trừ áp dụng hình phạt này: không chỉ là "tội phạm ít nghiêm trọng do vô ý", mà nên là "tội phạm ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng" để tăng tính thực tiễn của việc áp dụng các hình phạt không tước tự do.

Do đó, Điều 38 BLHS năm 2015 nên sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 38. Hình phạt tù có thời hạn

1. Tù có thời hạn *là hình phạt do Tòa án áp dụng đối với người bị kết án nhằm tước bỏ quyền tự do thân thể trong một khoảng thời gian nhất định và buộc họ phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ.*

Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm.

Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 01 ngày tù.

2. *Khi quyết định hình phạt, Tòa án ưu tiên áp dụng các hình phạt không tước tự do đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng và không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội".*

...

Thứ năm, về hình phạt tử hình

Về hình phạt này, nên sửa đổi câu chữ cho phù hợp với như tên điều luật, cũng như khoản 1 nên bỏ đi áp dụng đối với tội phạm về tham nhũng (hiện nay, đã bỏ hình phạt tử hình đối với hai tội là tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ)[12].

[12] Lưu ý, ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 (Luật số 86/2025/QH15), có hiệu lực từ ngày 01/07/2025. Riêng đối với tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ, sau khi bỏ hình phạt tử hình, nhằm bảo đảm thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đồng thời khuyến khích người phạm tội tích cực khai báo trong quá trình giải quyết vụ án, khoản 1 Điều 63 BLHS năm 2015 đã quy định: "*Người bị kết án tù chung thân về*

Đồng thời, khoản 4 Điều này cần nêu rõ trường hợp ân giảm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước.

Do đó, Điều 40 BLHS năm 2015 nên sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 40. *Hình phạt* tử hình

1. Tử hình là hình phạt đặc biệt *do Tòa án* áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, ~~tham nhũng~~ và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do Bộ luật này quy định.

2. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử.

3. Không thi hành án tử hình đối với người bị kết án nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi;

b) Người đủ 75 tuổi trở lên;

c) Người mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối.

4. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này hoặc trường hợp người bị kết án tử hình được ân giảm *theo quyết định của Chủ tịch nước*, thì hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân".

...

Thứ sáu, về hình phạt bổ sung tịch thu tài sản

Điều 45 BLHS năm 2015 về hình phạt bổ sung tịch thu tài sản nhằm tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án để nộp vào ngân sách nhà nước. Hình phạt này chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tham nhũng hoặc tội phạm khác do Bộ luật này quy định. Khi tịch thu toàn bộ tài sản, vẫn để cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống. Nói chung, đây là một hình phạt mang tính chất kinh tế, nhằm thu hồi những tài sản do phạm tội mà có của người bị kết án, cũng như ngăn ngừa họ tiếp tục sử dụng các tài sản đó vào việc thực hiện tội phạm.

Tuy nhiên, tham khảo Điều 59 BLHS Trung Quốc năm 1997, sửa đổi năm 2025 quy định như sau: "Tịch thu tài sản là tịch thu toàn bộ hoặc một phần tài sản thuộc sở hữu riêng của người phạm tội. Nếu tịch thu toàn bộ tài sản cần phải giữ lại một khoản chi phí cuộc sống cần thiết cho người phạm tội và *người được người phạm tội nuôi dưỡng...*" [40-41]. Do đó, nên bổ sung nếu tịch thu toàn bộ tài sản cần phải giữ lại một khoản chi phí cuộc sống cần thiết cho người phạm tội, gia đình họ cũng như *chủ thể được họ nuôi dưỡng hoặc có trách nhiệm nuôi dưỡng* mới bảo đảm tính nhân văn và phù hợp với thực tiễn xét xử, vì có nhiều trường hợp, người phạm tội đang phải nuôi dưỡng, chăm sóc người khác xuất phát từ lòng nhân ái hoặc do có trách nhiệm phải làm.

4.3. Hệ thống hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025, trên phạm vi toàn quốc chỉ có 09 vụ án xét xử hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội và có 17 pháp nhân thương mại bị tuyên hình phạt. Trong đó, hình phạt mà Toà án đã áp dụng đối với các pháp nhân thương mại phạm tội như sau [42]:

TT	Tên pháp nhân thương mại	Hình phạt chính	Hình phạt bổ sung
1	Công ty CP Nhôm V. P.	Phạt tiền ba tỷ đồng	Không áp dụng
2	Công ty TNHH Đầu tư xuất nhập khẩu A.P. V. N.	Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn	Không áp dụng
3	Công ty CP Tập đoàn B.S.G.V.N.	Phạt tiền ba tỷ đồng	Không áp dụng

tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ chỉ có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và đã hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn".

4	Công ty CP T. P.	Phạt tiền ba tỷ đồng	Không áp dụng
5	Công ty TNHH MTV T. Đ. P.	Phạt tiền ba tỷ đồng	Không áp dụng
6	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T. T.	Phạt tiền ba tỷ năm trăm triệu đồng	Không áp dụng
7	Công ty TNHH MTV Du lịch Đ.N. T.	Phạt tiền sáu tỷ đồng	Không áp dụng
8	Công ty TNHH MTV L.G. V. P.	Phạt tiền một tỷ năm trăm triệu đồng	Không áp dụng
9	Công ty TNHH Đầu tư và PT xây dựng LG-C.	Phạt tiền một tỷ năm trăm triệu đồng	Không áp dụng
10	Công ty TNHH MTV Xây dựng và TM Đ. D. N.	Phạt tiền một tỷ năm trăm triệu đồng	Không áp dụng
11	Công ty CP I.	Phạt tiền một tỷ đồng	Không áp dụng
12	Công ty TNHH Đầu tư, XD và thương mại T. A.	Phạt tiền một tỷ đồng	Không áp dụng
13	Công ty TNHH Xây dựng T. L. P.	Phạt tiền một tỷ đồng	Không áp dụng
14	Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng P. C.	Phạt tiền một tỷ đồng	Không áp dụng
15	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N. T. T.	Phạt tiền một tỷ đồng	Không áp dụng
16	Công ty TNHH Thương mại - sản xuất T. T.	Phạt tiền một tỷ năm trăm triệu đồng	Không áp dụng
17	Công ty Cổ phần Xây dựng S. T.	Phạt tiền bốn trăm triệu đồng	Không áp dụng

Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội, 2025 và TLTK [42].

Như vậy, trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025, các Tòa án mới chỉ áp dụng 02 loại hình phạt chính đối với pháp nhân thương mại phạm tội, bao gồm: phạt tiền và đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động, chưa áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn. Trong 17 pháp nhân thương mại bị áp dụng hình phạt kể trên, có đến 16 pháp nhân thương mại bị áp dụng hình phạt tiền và 01 pháp nhân thương mại bị áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Ngoài ra, kể từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/01/2018), Tòa án cũng chưa áp dụng hình phạt bổ sung nào đối với chủ thể này.

Do đó, điều này đặt ra về "tính thực tiễn" của hình phạt và một trong các nguyên nhân tương tự như đối với người phạm tội, hệ thống hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội về phương diện nội dung và kỹ thuật lập pháp cũng có một số tồn tại, hạn chế sau:

Một là, về vị trí điều luật

Nghiên cứu Điều 33 BLHS năm 2015 về các hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội lại "lạc lõng" trong các mục, phần liên quan đến các hình phạt đối với người phạm tội, trong khi lại có một Chương XI - Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội [43], cũng như quy định tại khoản 6 Điều 35 về hình phạt tiền đối với người phạm tội lại nêu cả đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Do đó, nên chuyển về điều khoản tương ứng tại Chương XI này cho hợp lý hơn.

Hai là, về điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự - cơ sở áp dụng hình phạt trong thực tiễn đối với pháp nhân thương mại

Hiện nay, khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 đã đưa ra các điều kiện để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại, là cơ sở áp dụng hình phạt. Các điều kiện này gồm: hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là bốn điều kiện độc lập và phải có tổng đủ *các* điều kiện này mới truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Song, trong *các* điều kiện trên, điều kiện *thứ nhất* (hành vi phạm tội được

thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại) và điều kiện *thứ ba* (hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại) [44][13] dường như chưa độc lập với nhau. Bởi thực tế, nếu hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại thì không thể lại có trường hợp không có sự chỉ đạo, điều hành, chấp thuận của pháp nhân thương mại và ngược lại, nếu đã có sự chỉ đạo, điều hành hay chấp thuận của pháp nhân thương mại thì chính là đã nhân danh pháp nhân rồi. Do đó, nên ghép hai điều kiện này vào thành một điều kiện chung cho hợp lý hơn.

Hơn nữa, trong tương quan giữa khoản 2 Điều 2 "Cơ sở của trách nhiệm hình sự"[14] với Điều 75, Điều 76 BLHS năm 2015 là chưa thống nhất, vì phải thỏa mãn đủ các điều kiện tại Điều 75, thì khi phạm một tội tại Điều 76 mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, khoản 2 Điều 2 nên sửa cho bao quát đầy đủ theo hướng: "Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 *và thỏa mãn các điều kiện chịu trách nhiệm hình sự tại Điều 75* của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự".

Ba là, về hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn

Khoản 1 Điều 78 BLHS năm 2015 về hình phạt "đình chỉ hoạt động có thời hạn" đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định: "Đình chỉ hoạt động có thời hạn là tạm dừng hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội *gây thiệt hại đến tính mạng*, sức khỏe *con người*, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra *có khả năng khắc phục trên thực tế*". Nếu xem xét những chữ *in nghiêng* là chưa phù hợp với thực tế, vì đã gây thiệt hại đến tính mạng con người, thì chắc chắn không bao giờ có khả năng khắc phục được, do đó, nên sửa lại theo hướng chỉ có các hậu quả gây thiệt hại (trừ gây thiệt hại về tính mạng) mới *có khả năng khắc phục trên thực tế* [45][15].

Do đó, Điều 78 BLHS năm 2015 nên sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 78. *Hình phạt* đình chỉ hoạt động có thời hạn

1. Đình chỉ hoạt động có thời hạn là tạm dừng hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại đến ~~tính mạng,~~ sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế.

2. Thời hạn đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm".

...

Bốn là, về hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn

Tương tự, Điều 79 BLHS năm 2015 vẫn tồn tại một điểm chưa hợp lý về mặt kỹ thuật lập pháp ở chỗ tên gọi hình phạt là "đình chỉ hoạt động vĩnh viễn" nhưng khoản 2 Điều này quy định: "Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị *đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động*". Về bản chất, quy định tại khoản 2 chỉ nhằm làm rõ trường hợp pháp nhân thương mại được thành lập chỉ nhằm mục đích thực hiện tội phạm thì phải bị áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với toàn bộ lĩnh vực hoạt động của pháp nhân đó. Do vậy, nên quy định sửa cho thống nhất giữa tên gọi và khoản 2 Điều 79 Bộ luật này theo hướng: "Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện

[13] Ngoài ra, cũng có quan điểm lập luận cho rằng, điều kiện thứ ba này chỉ là điều kiện bổ sung và chỉ đặt ra trong trường hợp người thực hiện tội phạm (nhân danh và vì lợi ích của pháp nhân thương mại) còn có cấp trên có quyền chỉ đạo, điều hành họ thực hiện hoặc chấp thuận cho họ thực hiện. Ví dụ: Hội đồng quản trị của các công ty cổ phần hay hội đồng thành viên của các công ty trách nhiệm hữu hạn là cơ quan cấp trên của Tổng giám đốc...

[14] "Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự".

[15] Bên cạnh đó, cũng có phương án khác của tác giả đề xuất như cần chỉnh sửa lại thay cụm từ "hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế" bằng cụm từ "nguyên nhân gây ra hậu quả đó có khả năng khắc phục trên thực tế. Còn chúng tôi thì cho rằng, có thể sửa theo hướng chỉ có các hậu quả gây thiệt hại (trừ gây thiệt hại về tính mạng) có khả năng khắc phục trên thực tế (TG).

tội phạm thì bị *đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với toàn bộ hoạt động của pháp nhân đó*".

Do đó, Điều 79 BLHS năm 2015 nên sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 79. *Hình phạt* đình chỉ hoạt động vĩnh viễn

1. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn là chấm dứt hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra.

2. Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị *đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với toàn bộ hoạt động của pháp nhân đó*".

...

Năm là, về các vấn đề khác liên quan đến xác định trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với pháp nhân thương mại

Bên cạnh các điểm hạn chế trên về nội dung và kỹ thuật lập pháp, trong BLHS năm 2015 còn một số tồn tại, hạn chế liên quan đến xác định trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với pháp nhân thương mại, từ đó, làm ảnh hưởng đến "tính thực tiễn" của hình phạt như:

1) Điều 8 BLHS năm 2015 về khái niệm tội phạm: "Tội phạm là hành vi... *do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện*..., xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc..." rõ ràng chưa chính xác. Vì thực tế, Điều 76 chỉ nêu 33 tội danh liên quan đến pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng các tội danh trên (mà pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự, nếu có) đều không xâm phạm đến "độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc". Vì vậy, nên tách riêng hai khoản (nếu được), một khoản là *tội phạm do cá nhân thực hiện* và *một khoản là tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện* (vì hiện nay, khoản 2 Điều 9 về phân loại tội phạm đã ghi rất rõ: "*Tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện*…" thì mới chính xác; và nếu cần có thể có phương án khái niệm tội phạm chung và tội phạm đối với từng chủ thể;

Tương tự, nhiều điều luật khác cũng chưa thể hiện rõ pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm hay chủ thể của trách nhiệm hình sự (Điều 2, Điều 8 ghi nhận rõ là *chủ thể của tội phạm* [38, 46-48], nhưng các điều luật tương ứng khác lại không nêu rõ mà lại được cho là *chủ thể của trách nhiệm hình sự*) [1-2].

Do đó, Điều 8 BLHS năm 2015 nên sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 8. Khái niệm tội phạm

1. Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, *do chủ thể có đủ điều kiện* thực hiện một cách *có lỗi*, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc; xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức và những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.

2. Tội phạm do cá nhân thực hiện là hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các lĩnh vực mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.

3. Tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện là hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, do pháp nhân thương mại đáp ứng điều kiện do luật định thực hiện thông qua người đại diện hoặc người được giao nhiệm vụ, nhân danh và vì lợi ích của pháp nhân đó, thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các lĩnh vực mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.

4. Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác".

...

2) Điều 74 BLHS năm 2015 đã quy định: "Pháp nhân thương mại phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương

này (Chương XI - Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội); theo các quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này". Ngoài ra, Điều 8 Bộ luật này cũng đã xác định chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại. Điều này có nghĩa, các quy định chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt hay tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, lỗi… đối với pháp nhân thương mại phạm tội chưa được quy định rõ tại các điều luật tương ứng như đối với người phạm tội mà mới chỉ quy định về miễn hình phạt... Thực tế, pháp nhân thương mại hoàn toàn có thể chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt hoặc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, hoặc có đồng phạm, ví dụ: Pháp nhân thương mại chuẩn bị phạm tội rửa tiền hoặc có thể tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội về tội tài trợ cho khủng bố... [49].

Vì vậy, các nhà làm luật nên bổ sung, sửa đổi kịp thời vấn đề này, nếu đã coi pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm, thì các vấn đề liên quan đến tội phạm và hình phạt đều phải được áp dụng như đối với chủ thể là cá nhân, từ đó mới bảo đảm xác định chính xác trách nhiệm hình sự và "tính thực tiễn" của hình phạt, qua đó, bảo đảm xử lý thống nhất và có căn cứ pháp luật.

5. Kết luận

Tóm lại, "tính thực tiễn" không phải là thuộc tính phụ trợ mà là nên xem là một đặc điểm nội tại, cấu thành giá trị của hình phạt. "Cơ sở pháp lý cho sự tồn tại của hình phạt chính là sự tồn tại của tội phạm. Không có tội phạm thì không thể có hình phạt. Hình phạt là hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội, là thước đo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Phải có những vi phạm điều kiện tồn tại của xã hội - tội phạm mới xuất hiện phương tiện để đấu tranh với các vi phạm đó" [50]. Do đó, một hình phạt thiếu đặc điểm nội tại là tính thực tiễn sẽ không đạt được mục đích và hiệu quả của hình phạt và gốc của vấn đề đó là quy định hình phạt trong BLHS (lập pháp) đòi hỏi phải được thiết kế sao cho không chỉ phản ánh đúng nhận thức khoa học, thể hiện rõ trong quy phạm pháp luật, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng (quyết định) hình phạt, cũng như thi hành hình phạt. Một loạt chuỗi đã nêu nếu làm đúng, chuẩn sẽ tạo điều kiện tuân thủ pháp chế xã hội chủ nghĩa, "tạo được sự đồng thuận của toàn xã hội, sự tin tưởng của các cá nhân, tổ chức trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm" [51]. Chính vì vậy, trong giai đoạn cải cách tư pháp và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đòi hỏi khoa học luật hình sự cần nhìn nhận "tính thực tiễn" như một đặc điểm nội tại, cấu thành giá trị của hình phạt, từ đó, tạo ra sự tổng thể trong phân tích, làm rõ hệ thống đặc điểm của hình phạt, đồng thời tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện các quy định về tội phạm và hình phạt trong BLHS năm 2015 hiện hành trước bối cảnh mới của đất nước./.

Tài liệu tham khảo

[1] L. V. Cảm, Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự - Phần chung (Giáo trình Sau đại học), NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019, tr. 553-556, 660-661.

[2] N. N. Hòa (chủ biên), Trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp hình sự khác, NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2022, tr. 52-57, 70-76.

[3] V. K. Vinh, Chương VIII - Khái niệm hình phạt và hệ thống hình phạt, trong sách: Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 215.

[4] Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Tư pháp hình sự so sánh, Số chuyên đề Thông tin khoa học pháp lý, Hà Nội, 1999, tr. 68.

[5] N. D. Lãm (chủ biên), Sổ tay thuật ngữ pháp lý thông dụng, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 1996, tr. 165.

[6] P. V. Beo, Một số vấn đề về khái niệm hình phạt, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11/2005, tr. 31.

[7] A. K. Kumari, Role of Theories of Punishment in the Policy of Sentencing, January 10, 2007, https://ssrn.com/abstract=956234, (accessed on: March 15th, 2026).

[8] T. Q. Toản, Chương 14. Hình phạt và biện pháp tư pháp, trong sách: Giáo trình Luật hình sự Việt Nam Phần chung, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023, tr. 341.

[9] N. N. Kiện (chủ biên), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam Phần chung, NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2020, tr. 201-204.

[10] T. T. Việt, Vietnamese Criminal Polices and Laws in the Industrial Revolution 4.0: Some New Awareness, VNU. Journal of Science, Law (ISSN: 2588-1167), Vol 37, No 2, pp. 1-10.

[11] Đ. T. Úc, Luật hình sự Việt Nam Quyển 1, Những vấn đề chung, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 181-182.

[12] H. T. Ngũ, Một số vấn đề cơ bản về chính sách hình sự dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 25-32.

[13] P. V. Lợi (chủ biên), Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2007, tr. 24-25.

[14] P. Thư, Chính sách hình sự và việc thực hiện chính sách hình sự ở nước ta, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội, 2005, tr. 56.

[15] T. Q. Toản, Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011, tr. 53.

[16] T. H. Tráng, Trách nhiệm hình sự và hình phạt chính không tước tự do: So sánh giữa Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 2023, tr. 125.

[17] T. T. Q. Vinh (chủ biên), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, NXB. Hồng Đức, tr. 255-260.

[18] Đ. V. Quế, Bình luận BLHS năm 2015, Phần thứ nhất - Những quy định chung, NXB. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2017, tr. 164.

[19] V. K. Linh, Chức năng xã hội của hình phạt, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 11 (296)/2016, tr. 8-13.

[20] Theories of Punishment, https://law.jrank.org/pages/9576/Punishment-THEORIES-PUNISHMENT.html., (accessed on: March 15th, 2026), p. 1-2.

[21] T. T. Việt, Chủ thể, phương thức và phương tiện kiểm soát xã hội đối với tội phạm, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, tập 30, số 01, 2014, tr. 34-35.

[22] V. K. Linh, Mục đích của hình phạt nhìn từ phương diện xã hội, Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội, số 6/2025, tr. 11-16.

[23] D. Brown, Cost-benefit analysis in Criminal Law, California Law Review, Vol. 92, No. 02, 2004, pp. 12-14.

[24] J. L. Harrison & J. Theewes, Law and Econmics, New York: W.W. Norton & Company, Inc., 2008, pp. 371-373.

[25] R. S. Frase, Punishment Purposes, Stanford Law Review 58, 2005, pp. 68.

[26] Chính phủ, Tờ trình số 186/TTr-CP của Chính phủ gửi Quốc hội về Dự án BLHS (sửa đổi), Hà Nội, ngày 27/4/2015.

[27] K. Itoh, Những thành tựu và hạn chế về mặt lý luận trong việc pháp luật hóa trách nhiệm hình sự của tổ chức tại Nhật Bản, trong sách: Luật Nhật Bản, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2000, tr. 166.

[28] Hội Luật gia Việt Nam, Hình phạt tử hình trong luật quốc tế, Nxb. Hồng Đức, 2008, tr. 37-42.

[29] T. T. Việt (chủ biên), Chính sách hình sự Việt Nam trước thách thức Cách mạng công nghiệp 4.0, NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2020, tr. 58.

[30] Trường Đại học Luật Hà Nội (dịch), BLHS Liên bang Nga, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 2011, tr. 53.

[31] http://www.en.special.kremlin.ru/acts/news/74780 (BLHS Liên bang Nga), (accessed on: March 15th, 2026).

[32] T. T. Việt, "Hành vi nguy hiểm cho xã hội" - khởi điểm "gốc" của vấn đề tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật, tập 40, số 3, 2024, tr. 23.

[33] L. Cảm, Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự (Tập III), NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 2000, tr. 102.

[34] T. Q. Toản, Về hình phạt tiền trong luật hình sự một số nước, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 7/2002, tr. 63-64.

[35] L. V. Cảm, Sách chuyên khảo SĐH: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung), NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005, tr. 951-952.

[36] Đ. V. Quế, Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 78-79.

[37] T. T. Việt, Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 337.

[38] T. T. Việt, Trách nhiệm hình sự và hình phạt (Giáo trình Sau đại học), NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022, tr. 293-294.

[39] N. N. Hòa, BLHS Việt Nam - Dưới góc độ kỹ thuật văn bản, NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2025, tr. 108.

[40] Đ. B. Hà (dịch và giới thiệu), BLHS của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2007, tr. 59-60.

[41] https://mojlaw.moj.gov.tw/ENG/LawContentE.aspx?LSID=FL001424 (BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa), (accessed on: March 15th, 2026).

[42] Đ. N. Ánh, Hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội trong luật hình sự Việt Nam,

Luận án tiến sĩ luật, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025, tr. 139, 154-155.

[43] L. V. Cảm (chủ biên), Học thuyết về hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025, tr. 149.

[44] N. N. Hòa, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với các tội phạm về môi trường, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "Tư pháp hình sự Trung Quốc và Việt Nam về tội phạm môi trường và kinh tế", Trường Đại học Luật Hà Nội, 2017, tr. 103-104.

[45] N. T. P. Hoa, Hoàn thiện quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội trong BLHS năm 2015, Tạp chí Luật học, Số chuyên đề về BLHS năm 2015, số 6/2016, tr. 33-34.

[46] T. Q. Toản, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 231.

[47] T. V. Độ, Các học thuyết về cơ sở của trách nhiệm hình sự của pháp nhân, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6, 2011, tr. 45.

[48] P. H. Hải, Pháp nhân có phải là chủ thể của tội phạm hay không?, Tạp chí Luật học, số 2, 2000, tr. 16-17.

[49] N. K. Chi, Các giai đoạn phạm tội: Lý luận, thực trạng quy định của BLHS năm 2015 và định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật, Tạp chí Luật học, số 5/2022, tr. 69.

[50] T. Q. Toản, Một số vấn đề lý luận về hình phạt trong luật hình sự, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, tập 27, số 2/2011, tr. 59.

[51] T. V. Độ, H. M. Hùng (đồng chủ biên), Giáo trình Định tội danh và áp dụng hình phạt, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019, tr. 118.